

Bản án số: 30/2018/KDTM-PT
Ngày 31-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tàu trần

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2018/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng thuê tàu trần.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 707/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X (viết tắt là VNCBAMC), có trụ sở tại: Số 145 H, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An; địa chỉ liên hệ: Số 10 L, phường B, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Trương Phương H, chức vụ: Trưởng Phòng Hành chính nhân sự là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 23/2018/GUQ-CBAMC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H là Luật sư Công ty Luật TNHH H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V; có trụ sở tại: Số 10/97 M, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Thế A, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH V là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X, là nguyên đơn.

2. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 04 tháng 7 năm 2013, bên A là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (nay được đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP X) và bên B là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V đã kí Hợp đồng thuê tàu trần số 010/2013/HĐTTT. Đến ngày 05 tháng 7 năm 2014, hai bên kí tiếp Phụ lục Hợp đồng số: 01/PL-010/2013/HĐTTT.

Theo nội dung hợp đồng: Bên A cho Bên B thuê 02 tàu vận tải biển là tàu Great Trust Dragon 1 (GTD1) và Tàu Great Trust Dragon 2 (GTD2) với thời hạn thuê là 12 tháng, kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2013 và được gia hạn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2014 đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2015; đơn giá thuê tàu 250.000.000 đồng/tàu/tháng, thành tiền là 250.000.000 đồng x 2 = 500.000.000 đồng/02 tàu/tháng; giá thuê tàu không thay đổi trong suốt thời gian thuê tàu; tiền đặt cọc thuê 02 tàu là 01 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng và phụ lục hợp đồng, Bên B đã thanh toán đầy đủ tiền thuê tàu cho bên A đến hết tháng 7 năm 2014. Từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015, bên B chưa thanh toán tiền 02 thuê tàu cho bên A với số tiền là 2.300.000.000đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng). Do bên B vi phạm điều khoản về thanh toán tiền thuê tàu chậm (theo Điều 4, Điều 9 của Hợp đồng) nên phải có trách nhiệm phải thanh toán tiền nợ thuê 02 tàu là 2.300.000.000đ, tiền cước thông tin liên lạc các tháng 10,11,12 của năm 2014 là 5.689.006đ và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ thuê tàu và cước thông tin được tính theo mức lãi suất 0,8%/tháng (tương đương 0,026%/ngày) từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 đến ngày xét xử sơ

thẩm 17 tháng 5 năm 2018 là: 802.811.626 đồng (tám trăm linh hai triệu, tám trăm mười một nghìn, sáu trăm hai mươi sáu) đồng.

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng X yêu cầu Công ty TNHH V phải thanh toán tổng cộng các khoản tiền nợ gốc lãi tiền thuê tàu, tiền cước thông tin liên lạc là 3.108.500.632 (ba tỷ, một trăm lẻ tám triệu, năm trăm nghìn, sáu trăm ba mươi hai) đồng.

Quan điểm của Công ty TNHH V: Chấp nhận thanh toán các khoản tiền trên nhưng không chấp nhận việc VNCBAMC cho rằng Công ty TNHH V vi phạm điều khoản về thanh toán tiền thuê tàu, bởi lẽ: Theo Công văn số 141/2014/CV-VNCBAMC ngày 10 tháng 11 năm 2014 thì VNCBAMC đã xác nhận khoản cho lên đà 5 năm là hợp lý và đề nghị Công ty TNHH V chi trả số tiền nợ thuê tàu bằng việc thanh toán trực tiếp cho nhà máy sửa chữa SaigonShipmarin. Vì vậy, Công ty TNHH V không chấp nhận yêu cầu của VNCBAMC về việc buộc Công ty TNHH V phải chịu phạt 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) tiền đặt cọc với lý do chậm thanh toán tiền thuê tàu.

Đối với các yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V, tại phiên tòa sơ thẩm các bên cũng đã thống nhất các nội dung sau:

Đối với tiền thanh toán hoặc trao trả các vật tư thiết bị tàu biển mà Công ty TNHH V đã lắp đặt trên hai tàu GTD1 và GTD2 là 1.408.400.000đ (một tỷ bốn trăm linh tám triệu, bảy trăm nghìn đồng). Hiện hai tàu GTD1 và GTD2 đang được VNCBAMC cho thuê nên không thể thực hiện việc định giá để biết chính xác, các bên thừa nhận việc tính toán chỉ là tương đối và chấp nhận danh mục vật tư và giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 67/Công ty-VVFC/CNHP ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Khoản chi phí áo bao trục đóng tàu tại GTD1 mà Công ty TNHH V đã chi mua của Công ty Cổ phần T là 123.376.000đ. VNCBAMC thừa nhận chi phí này đã được thể hiện trên hóa đơn hợp lệ và thiết bị đã được lắp đặt tại GTD1 nên chấp nhận.

Đối với các khoản chi phí như phí bảo hiểm thân vỏ, bảo hiểm P& I tại tàu GTD1 và GTD2 mà Công ty TNHH V yêu cầu thì VNCBAMC không chấp nhận vì theo quy định của pháp luật thì các chi phí này là do bên thuê tàu phải trả chi phí mua bảo hiểm. Nếu chấp nhận thì chỉ chấp nhận $\frac{1}{2}$ giá trị thiệt hại.

Đối với tiền lương, tiền ăn cho 17 thuyền viên tại các tàu GTD1 và GTD2 thì VNCBAMC thừa nhận các khoản chi phí này là hợp lý tuy nhiên căn cứ vào Thông tư số 51 ngày 11/12/2013 của Bộ giao thông vận tải quy định về số thuyền viên tối thiểu trên tàu là 12 người nên chỉ chấp nhận tiền lương, tiền ăn cho thuyền viên tính trên số lượng là 12 thuyền viên. Công ty TNHH V cho rằng quy định 12 người là quy định tối thiểu và tối đa là 21 thuyền viên trên tàu nhưng đối với GTD1 và GTD2 thì số lượng 17 thuyền viên là số thuyền viên thực tế làm việc trên

tàu, 17 thuyền viên này đã được Công ty TNHH V trả lương qua các ủy nhiệm chi và Bảng sao kê tài khoản qua ngân hàng nên đây là thiệt hại thực tế mà Công ty TNHH V đã bị thiệt hại nên yêu cầu VNCBAMC phải thanh toán, cụ thể:

+ Đối với tàu GTD1 từ ngày 02 tháng 11 đến ngày 16 tháng 12 năm 2014 là 122.476.666đ và đối với tàu GTD2 từ ngày 02 tháng 11 đến ngày 16 tháng 12 năm 2014 là 16.578.333đ;

+ Đối với tiền ăn cho thuyền viên tại GTD1 (tối thiểu 4USD/người, tổng số ngày công tháng 11/2014 là 424 ngày, tổng số ngày công tháng 12/2014 là 132 ngày, tỷ giá ngày 16/12/2014 là 21.405VNĐ/ngày) là: $556 \text{ ngày} \times 4 \times 21405 = 47.604.720\text{VNĐ}$.

+ Đối với tàu GTD2 (tháng 01/2015, tổng số ngày công 68 ngày, tỷ giá ngày 28/01/2015 là 21.370VNĐ) là : $68 \times 4 \times 21.370 = 5.812.640\text{VNĐ}$.

Đối với khoản Tiêu hao nhiên liệu phục vụ sinh hoạt thuyền viên và đảm bảo hoạt động trang bị tàu D.O (Máy đèn WD615: 175 HW), cụ thể: Động cơ máy đèn WD615 – Công suất: 175KW; định mức tiêu thụ Catalog máy 189g/KWh (quy đổi $189 \times 175 = 33.075\text{Kg/h}$) là: 577.670.054đ.

Tiêu hao thực tế 70% định mức $23,1\text{kg/h} = 665,28 \text{ l/ngày}$.

GTD1 : 44 ngày = 537.433.920đ.

GTD2: 4 ngày = 40.236.134đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty TNHH V xuất trình chứng cứ là Quyết định số 22/QĐ/VH-2011 ngày 07/9/2011 về việc ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu các tàu thuộc quản lý của Công ty TNHH V và yêu cầu tính lại tiêu hao nhiên liệu theo: Định mức tiêu hao nhiên liệu quy định của máy theo giờ: $207.1\text{g/kw} \times 175\text{KW} = 36.24\text{Kg/h}$; nhiên liệu tiêu thụ của máy trong 01 ngày/24h = $24 \times 27.72 = 724.85 \text{ lít/ ngày}$; căn cứ theo đơn giá niêm yết xăng dầu với loại dầu D.O 0.25S của Petrolimex trong các ngày 06/12/2014 là 18.360đ/lít và ngày 21/11/2015 là 15.120đ/lít nên số tiền tiêu hao nhiên liệu là:

+ Tàu GTD1: 44 ngày (02/11 – 26/12/2014) = $44 \times 724.85 \times 18.360\text{đ} = 585.562.824\text{đ}$ (năm trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng).

+ Tàu GTD2: 4 ngày (24/1 - 28/1/2015) = $4 \times 724.85 \times 15.120 = 43.838.928\text{đ}$ (bốn mươi ba triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng).

Đại diện VNCBAMC thừa nhận khoản tiêu hao nhiên liệu là hợp lý tuy nhiên chỉ chấp nhận mức tính tiêu hao nhiên liệu theo định mức tiêu thụ Catalog máy 189g/KWh (quy đổi $189\text{g/KWh} \times 175 = 33.075\text{Kg/h}$) là: 577.670.054đ chứ

không chấp nhận định mức tiêu thụ mà Công ty TNHH V đã nêu tại phiên tòa là 207.1g/KW (tương đương số tiền 629.401.752đ = 585.562.824đ + 43.838.928đ).

Công ty TNHH V đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền bồi thường chi phí thiệt hại cho các nhà thầu phụ là Công ty TNHH Sài Gòn Kim Phát với số tiền 583.191.840đ và Công ty TNHH TM & DV Hàng Hải AST với số tiền 103.334.880đ nên VNCBAMC không có ý kiến gì về các khoản này.

Công ty TNHH V cho rằng: VNCBAMC có lỗi do đơn phương chấm dứt hợp đồng nên VNCBAMC phải trả lại 1.000.000.000 đồng tiền đặt cọc cho Công ty TNHH V, đồng thời VNCBAMC phải bị chịu phạt 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Đại diện VNCBAMC không chấp nhận yêu cầu này của Công ty TNHH V với lý do VNCBAMC không đơn phương chấm dứt hợp đồng, VNCBAMC đã có công văn về việc chậm thanh toán tiền thuê tàu nên sẽ chấm dứt hợp đồng thuê tàu.

Tại Bản án số 03/2018/KDTM-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X:

Buộc Công ty TNHH V phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X số tiền 3.108.500.632đ (ba tỷ, một trăm linh tám triệu, năm trăm nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng) bao gồm các khoản: Nợ thuê tàu, cước thông tin liên lạc và tiền lãi phát sinh cộng dồn của các khoản tiền trên từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 đến ngày 17 tháng 5 năm 2018.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X đối với số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) đặt cọc của Công ty TNHH V.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V:

Buộc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 4.141.456.150đ (bốn tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi đồng) bao gồm các khoản: Trả lại tiền đặt cọc, chi phí lương và tiền ăn cho thuyền viên 44 ngày của tàu Great Trust Dragon 1; chi phí tiêu hao nhiên liệu của tàu Great Trust Dragon 1; chi phí bảo hiểm thân vỏ và bảo hiểm P&I của Great Trust Dragon 1 và Great Trust Dragon 2; chi phí thiết bị vật tư phát sinh; chi phí cung cấp xoa áo bao trục đóng tàu Great Trust Dragon 1 và tiền lãi của khoản tiền cọc và tiền thiết bị vật tư phát sinh.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH V về việc buộc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải bồi thường số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH V về việc buộc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải thanh toán chi phí tiền lương và tiền ăn cho thuyền viên tại tàu Great Trust Dragon 2.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc buộc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải bồi thường số tiền thiệt hại phát sinh do các nhà thầu là Công ty TNHH S và Công ty TNHH & Dịch Vụ Hàng Hải AST.

Đối trừ các khoản tiền mà các bên phải thanh toán cho nhau, Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X còn phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền là: 1.032.955.518đ (một tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, bị đơn kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm buộc nguyên đơn phải bồi thường 1.000.000 tỉ đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho các nhà thầu là Công ty TNHH S và Công ty TNHH và Dịch vụ Hàng Hải AST. Bác bỏ việc xác định lãi phát sinh chỉ trên tiền cọc và tiền vật tư 763.413.378đồng.

Tại Biên bản ngày 30 tháng 8 năm 2018, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng giải quyết tranh chấp về hợp đồng thuê tàu trần đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X yêu cầu Công ty TNHH V phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X tổng cộng các khoản tiền nợ gốc lãi tiền thuê tàu, tiền cước thông tin liên lạc là 3.108.500.632 đồng. Và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V, yêu cầu Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải thanh toán cho Công ty TNHH V tổng cộng các khoản: Tiền đặt cọc, chi phí tiền lương và tiền ăn cho thuyền viên trong thời gian 44 ngày của tàu Great Trust Dragon 1; chi phí tiêu hao nhiên liệu của tàu Great Trust Dragon 1; chi phí bảo hiểm thân vỏ và bảo hiểm P&I của tàu Great Trust Dragon 1 và tàu Great Trust Dragon 2; chi phí thiết bị vật tư phát sinh; chi phí cung cấp xoa áo bao trục đóng tàu Great Trust Dragon 1 và tiền lãi của khoản tiền cọc và tiền thiết bị vật tư phát sinh là 4.141.456.150 đồng. Đối trừ các khoản tiền

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 1.032.955.518 đồng.

Nay, Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X đề nghị các bên đối trừ sang ngang các khoản phải thanh toán cho nhau, bên khởi kiện và bên bị kiện không có trách nhiệm phải thanh toán cho nhau bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến hợp đồng thuê tàu trần giữa Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X và Công ty TNHH V mà hai bên đang tranh chấp.

Về án phí: Các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ngày 30 tháng 8 năm 2018, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trịnh Thế A trình bày:

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng giải quyết tranh chấp về hợp đồng thuê tàu trần đã quyết định chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V, yêu cầu Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải thanh toán cho Công ty TNHH V tổng cộng các khoản: Tiền đặt cọc, chi phí tiền lương và tiền ăn cho thuyền viên trong thời gian 44 ngày của tàu Great Trust Dragon 1; chi phí tiêu hao nhiên liệu của tàu Great Trust Dragon 1; chi phí bảo hiểm thân vỏ và bảo hiểm P&I của tàu Great Trust Dragon 1 và tàu Great Trust Dragon 2; chi phí thiết bị vật tư phát sinh; chi phí cung cấp xoa áo bao trục đóng tàu Great Trust Dragon 1 và tiền lãi của khoản tiền cọc và tiền thiết bị vật tư phát sinh là 4.141.456.150 đồng. Đối trừ các khoản tiền Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 1.032.955.518 đồng. Và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X yêu cầu Công ty TNHH V phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X tổng cộng các khoản tiền nợ gốc lãi tiền thuê tàu, tiền cước thông tin liên lạc là 3.108.500.632 đồng. Đối trừ các khoản tiền Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 1.032.955.518 đồng.

Nay, Công ty TNHH V đồng ý với đề nghị của nguyên đơn về việc các bên đối trừ sang các ngang các khoản phải thanh toán cho nhau, không bên nào phải thanh toán cho bên nào.

Về án phí: Các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt và yêu cầu công nhận sự thỏa thuận của họ tại Biên bản ngày 30 tháng 8 năm 2018. Việc

thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn bị đơn và người đại diện đảm bảo quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 17/5/2018, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, bị đơn không rút kháng cáo nhưng các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt, công nhận sự thỏa thuận của họ vào ngày 30 tháng 8 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại biên bản ngày 30 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 31 tháng 8 năm 2018. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm,

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự đã thỏa thuận được về việc đối trừ nghĩa vụ thanh toán sang ngang cho nhau. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 3.108.500.632 đồng và nguyên đơn cũng đồng ý trả cho bị đơn 3.108.500.632 đồng. Người khởi kiện và người bị kiện không có trách nhiệm phải thanh toán cho nhau bất kỳ khoản tiền nào khác nên chỉ còn phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ của mình đối với số tiền là 3.108.500.632 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 2 Điều 296, Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại số 03/2018/KDTM-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Người khởi kiện là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X và người bị kiện là Công ty TNHH V đồng ý đối trừ sang ngang các khoản tiền phải thanh toán cho nhau và các bên không còn trách nhiệm phải thanh toán cho nhau bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến hợp đồng thuê tàu trần giữa Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X và Công ty TNHH V mà hai bên đang tranh chấp đã được giải quyết xong tại Tòa án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 94.170.012đ (chín mươi tư triệu, một trăm bảy mươi nghìn, không trăm mười hai đồng). Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X đã nộp số tiền 44.954.089đ (bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, không trăm tám mươi chín đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004393 ngày 10/11/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X còn phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn thiếu là 49.215.923đ (bốn mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng).

3.2. Công ty TNHH V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 94.170.012đ (chín mươi tư triệu, một trăm bảy mươi nghìn, không trăm mười hai đồng). Công ty TNHH V đã nộp số tiền 45.134.638đ (bốn mươi lăm triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0004917 ngày 09/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH V còn phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn thiếu là 49.035.374đ (bốn mươi chín triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi tư đồng).

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

4.1. Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí phúc thẩm và được trừ vào 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005187 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân. Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

4.2. Công ty TNHH V phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí phúc thẩm và được trừ 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005194 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L. Công ty TNHH V đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp